TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 06-6-2019
V/v: " ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Kim Trường Sơn.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Dệt.
2. Bà Trần Ngọc Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thành Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2019 về việc: "ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1979. Có mặt.
Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: Ông Võ Thành H, sinh năm 1976. Vắng mặt.
Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2019, bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Võ Thành H tự nguyện kết hôn vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 23/02/2001. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, ông H không quan tâm chăm sóc vợ con, bà T nhiều lần khuyên nhưng ông H không thay đổi; bà T và ông H sống ly thân từ ngày 21/02/2014 cho đến nay. Nay bà T xác định tình cảm vợ chồng

không còn với ông H nên bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông H.

Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn ông Võ Thành H để tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải Nng ông H vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của ông H và không tiến hành hòa giải được.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Bích T khai có một con chung tên là Võ Thị Thảo N, sinh ngày 30/01/2002; bà T yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Thị Thảo N và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Võ Thành H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T khai không có và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích T thực hiện đúng quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn ông Võ Thành H thực hiện không đúng quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích T về việc ly hôn với ông Võ Thành H.

- Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Bích T là người trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thị Thảo N, sinh ngày 30/01/2002. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu ông Võ Thành H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Võ Thành H tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị Bích T khởi kiện ông Võ Thành H. Hiện nay, ông Võ Thành H, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp G, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Ông Võ Thành H là bị đơn được Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai Nng vẫn vắng mặt. Căn

cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Võ Thành H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 23/02/2001, Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn cho bà Nguyễn Thị Bích T và ông Võ Thành H nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Bích T và ông Võ Thành H là hợp pháp. Quá trình vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau; vợ chồng thường xuyên cãi nhau về tiền bạc, ông H không quan tâm chăm sóc vợ con, bà T nhiều lần khuyên nhưng ông H không thay đổi. Bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn với ông H nên không còn khả năng đoàn tụ. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu ly hôn của bà T có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về việc nuôi con: Bà Nguyễn Thị Bích T khai có một con chung tên là Võ Thị Thảo N, sinh ngày 30/01/2002; bà T yêu cầu là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Do ông H vắng mặt trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa nên không có ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung. Xét yêu cầu được nuôi con của bà T là phù hợp với nguyện vọng của cháu N được sống với mẹ. Căn cứ vào Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận để bà T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu ông Võ Thành H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét đóng góp chi phí nuôi con đối với ông Võ Thành H.

[5] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Võ Thành H tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng.

[8] Tại phiên tòa, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích T đối với ông Võ Thành H. Bà Nguyễn Thị Bích T được ly hôn với ông Võ Thành H.

2. Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Giao cho bà Nguyễn Thị Bích T là người trực tiếp nuôi con chung tên Võ Thị Thảo N, sinh ngày 30/01/2002. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu ông Võ Thành H cấp dưỡng nuôi con. Ông Võ Thành H là người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp có căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì trên cơ sở lợi ích của con, cá nhân, cơ quan, tổ chức sau có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con: Người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Bích T và ông Võ Thành H tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Bích T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Bà Nguyễn Thị Bích T phải nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0002100 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

6. Đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- Chi cục THADS H. Giồng Trôm, T. Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre (P. KTNV&THA);
- UBND xã. Đ, huyện. M, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Kim Trường Sơn